TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2020/HNGĐ- PT
Ngày 02 tháng 7 năm 2020
"V/v ly hôn; xác nhận lại quan hệ cha,con;
Chia tài sản chung của vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Cao Xuân Long

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn; xác định lại quan hệ cha, con; chia tài sản chung của vợ chồng".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 129/2019/HN-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn**:*** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 97 H đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1973- Luật sư thuộc Công ty Luật M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ: 275 T, Phường 8, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 203A đường V, Phường 7, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Cháu Nguyễn Vũ Hương G, sinh ngày 16/11/2002; địa chỉ: Số 97H đường Phan Chu Trinh, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu G: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 97 H đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (là mẹ ruột cháu G) (có mặt).

2. Văn phòng công chứng N, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 252 đường T, Phường 8, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Huy Q là trưởng văn phòng (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Vũ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo sự trình bày thống nhất của bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Anh T tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Ông Nguyễn Anh T và bà Vũ Thị H chung sống có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục nên ngày 19/8/2015, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh T. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành hòa giải giữa bà Hương và ông T. Tại buổi hòa giải, ông T và bà H thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp, cụ thể:

Về hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Anh T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T xác định có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Vũ Hương G, sinh ngày 1/11/2002. Bà Hương được quyền trực tiếp nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H tự nguyện nộp toàn bộ.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa ông Nguyễn Anh T và bà Vũ Thị H, ngày 24/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 517/2015/QĐST-HNGĐ.

Sau khi ly hôn, bà H và ông T đã tự thỏa thuận với nhau về vấn đề tài sản trong đó có nhà đất 97H P, Phường 2, thành phố T, thể hiện tại Văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, được Văn phòng Công chứng N, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng ngày 07/5/2016 số công chứng 640, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD (sau đây viết tắt là Văn bản công chứng số 640). Theo đó, ông Nguyễn Anh T và bà H đồng ý tặng cho con gái là cháu Nguyễn Vũ Hương G, sinh ngày 16/11/2002 toàn bộ quyền sử dụng của mình trong quyền sử dụng đối với thửa đất số 157, tờ bản đồ số 54 tại địa chỉ Phường

2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB do Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21/4/2005 đứng tên ông T và bà H tại Trang IV. Ông Nguyễn Anh T là người đại diện cho cháu G trong các giao dịch dân sự đối với thửa đất nêu trên cho tới khi cháu đủ 18 tuổi.

Ngày 16/01/2017, ông Nguyễn Anh T có đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung sau ly hôn. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại tòa, ông T trình bày: Ngày 04/01/2017, ông nhận được kết quả xét nghiệm ADN số KQ 166245 của Công ty X kết luận: ông và cháu Nguyễn Vũ Hương G không có quan hệ huyết thống cha con do mẹ ông tự lấy mẫu của ông và cháu Hương đi xét nghiệm. Biết cháu G không phải là con ruột của mình nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản công chứng số 640 ngày 07/5/2016 giữa ông và bà Hương lập tại Văn phòng Công chứng N, xác định giao dịch tặng cho nhà đất giữa ông và bà Hương với cháu G là vô hiệu do nhầm lẫn; xác định nhà đất tọa lạc tại 97H đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là tài sản chung của ông và bà H trong thời kỳ hôn nhân; yêu cầu chia nhà đất trên theo quy định pháp luật, cụ thể ông yêu cầu được hưởng ½ giá trị nhà đất trên. Vụ án chia tài sản chung sau ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết theo Thông báo thụ lý vụ án số 107/2017/TB-TLVAHNGĐ ngày 15/02/2017.

Ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định Tái thẩm số 22/2018/HNGĐ-GĐT hủy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 517/2015/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu về vụ án "Ly hôn" giữa nguyên đơn là bà Vũ Thị H với bị đơn là ông Nguyễn Anh T; đồng thời giao vụ án ly hôn nói trên cho Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ Quyết định Tái thẩm số 22/2018/HNGĐ-GĐT ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02/4/2019, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý lại vụ án Hôn nhân gia đình số 296/2019/TLST-HNGĐ về việc "ly hôn" giữa nguyên đơn là bà Vũ Thị H với bị đơn là ông Nguyễn Anh T.

Ngày 24/4/2019, ông T có đơn bổ sung yêu cầu Tòa án xác định lại quan hệ cha con, xác định cháu Nguyễn Vũ Hương G không phải là con ruột của Ông.

Ngày 01/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 03/2019/QĐST-NVA nhập hai vụ án "chia tài sản chung sau ly hôn, xác định lại quan hệ cha, con" theo yêu cầu của ông Nguyễn Anh T và vụ án "ly hôn" theo yêu cầu của bà Vũ Thị H thành một vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản tự khai ngày 09/10/2019, các buổi làm việc tại Tòa, bà Vũ Thị H xác định:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Anh T trước đây là quan hệ vợ chồng hợp pháp, đã ly hôn theo Quyết định 517/2015/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu. Mặc dù Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Quyết định số 517 nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T không còn trên thực tế, không thể tiếp tục nên bà vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông T.

Về con chung: Bà xác định bà và ông T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Vũ Hương G, sinh ngày 16/11/2002, không công nhận kết quả giám định ADN, không đồng ý với yêu cầu Tòa án tuyên bố cháu G không phải là con của ông T. Bà vẫn giữ nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đối với nhà đất tọa lạc tại 97H đường P, bà H trình bày: Nguồn gốc nhà đất này là do bà mua của Công ty D vào năm 2001, mua trước thời kỳ hôn nhân, hợp đồng mua bán ngày 10/12/2001 đứng tên mình bà H. Đến khoảng tháng 4/5/2002, ông Nguyễn Văn Đ là anh em kết nghĩa của anh trai bà đã xây dựng căn nhà và tặng riêng cho bà, có Giấy xác nhận ngày 16/02/2017 với chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim G là vợ của ông Nguyễn Văn Đ (do ông Đ đã mất) kèm theo Bảng xác định giá trị khối lượng quyết toán công việc hoàn thành nhà 03 P. Bà xác định nhà đất này là tài sản riêng của bà. Mặt khác, tài sản này, cả ông T và bà đã đồng ý tặng cho con gái nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cháu Nguyễn Vũ Hương G trình bày:

Ngôi nhà và đất tọa lạc tại số 97H đường P, Phường 2, thành phố T là ba mẹ cháu (ông T và bà H) đồng ý để lại cho cháu. Tài sản này là mẹ cháu mua trước khi mẹ cháu lập gia đình còn ngôi nhà là do ông Nguyễn Văn Đ (anh em kết nghĩa với anh trai của mẹ cháu) xây riêng tặng cho mẹ cháu. Ba và mẹ cháu đã ly hôn theo Quyết định số 517/2015/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu và thỏa thuận chia tài sản. Phần tài sản phân chia theo đúng pháp luật của nhà nước. Cháu không đồng ý hủy Văn bản công chứng số 640 thỏa thuận về tài sản theo yêu cầu của ông Nguyễn Anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Văn phòng Công chứng N, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày:

Qua nghiên cứu hồ sơ lưu của Văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, số công chứng 640, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/5/2016 (Văn bản Công chứng số 640), Văn phòng công chứng N, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có ý kiến như sau:

Về thành phần hồ sơ và trình tự, thủ tục công chứng đối với Văn bản công chứng số 640, Công chứng viên – Văn phòng công chứng N đã thực hiện đúng quy định tại Điều 41 của Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Việc lập và ký vào Văn bản công chứng số 640 giữa ông Nguyễn Anh T và bà Vũ Thị H đối với quyền sử dụng đất chung thuộc thửa 157, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm công chứng là hoàn toàn tự nguyện, thiện chí, không bị ai ép buộc, lừa dối hay đe dọa và người yêu cầu công chứng phải chịu trách nhiệm về các thỏa thuận, các hành vi cùng các giấy tờ mà mình cung cấp cho Công chứng viên tại thời điểm yêu cầu công chứng.

Căn cứ yêu cầu của bà Vũ Thị H, ngày 02/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định để trưng cầu Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục cảnh sát giám định ADN nhằm xác định quan hệ huyết thống (cha – con) giữa ông Nguyễn Anh T và cháu Nguyễn Vũ Hương G. Tại Kết luận Giám định số 2114/C54B ngày 11/7/2017 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục cảnh sát xác định: Nguyễn Vũ Hương G, sinh ngày 16/11/2002 không phải là con ruột của ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1974. Bà H không đồng ý với kết luận giám định này nhưng không yêu cầu giám định lại.

Căn cứ yêu cầu của ông Nguyễn Anh T, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành thành lập Hội đồng định giá tài sản đang tranh chấp. Kết quả định giá xác định: Đất đang tranh chấp tại đường P, đoạn từ ngã ba V đến G thuộc đường loại 2, vị trí 1. Đất ở giá nhà nước tại thời điểm định giá là 15.288.000đ/m^2 (*mười lăm triệu hai trăm tám mươi tám ngàn đồng mỗi mét vuông*); đất ở giá thị trường tại thời điểm định giá là 62.500.000đ/m^2 (*sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng mỗi mét vuông*), diện tích thửa đất là 104,2m^2 tương đương tổng giá trị đất là 6.512.500.000đ. Về tài sản gắn liền với đất (công trình vật kiến trúc trên đất): Trên đất có 01 (một) căn nhà 03 tầng, loại 2, diện tích sàn 248,24m^2, được xây dựng năm 2002, sửa chữa năm 2012, chất lượng còn lại 55%, đơn giá xây dựng: 4.513.000đ/m^2; thành tiền: 616.168.916đ (*Sáu trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm mười sáu đồng*). Tại buổi định giá, bà Vũ Thị H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả định giá cho bà H. Ông T nhất trí với giá do Hội đồng định giá đưa ra. Bà H cho rằng giá đất ở theo giá thị trường là cao nhưng bà không yêu cầu định giá lại.

Bà H và ông T xác định hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21/4/2005 do bà Hương đang giữ, bà H và cháu G đang sử dụng, quản lý nhà đất này.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 129/2019/HNGĐ-ST ngày 29/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã áp dụng Điều 30 , Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 59, 89, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 122, 131 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Anh T:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Anh T được ly hôn.

- Về con: xác định ông Nguyễn Anh T và cháu Nguyễn Vũ Hương G không phải là quan hệ cha con.

- Về tài sản:

- Hủy Văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn được công chứng số 640 quyển số 1, ngày 07/5/2016 tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nội dung: ông Nguyễn Anh T và bà Vũ Thị H tặng cho cháu Nguyễn Vũ Hương G tài sản là thửa số 157, tờ bản đồ 54, tọa lại tại 97H đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Xác định nhà và đất tại thửa số 157, tờ bản đồ 54, tọa lại tại 97H đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là tài sản chung của ông Nguyễn Anh T và bà Vũ Thị H.

- Bà Vũ Thị H được hưởng 60% trị giá tài sản nêu trên tương đương số tiền 4.277.202.000 đồng.

Ông Nguyễn Anh T được hưởng 40% trị giá tài sản tương đương số tiền 2.851.467.000 đồng.

- Bà Vũ Thị H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản là nhà đất nêu trên đồng thời có trách nhiệm hoàn lại cho ông Nguyễn Anh T số tiền 2.851.467.000đ (*Hai tỷ, tám trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) giá trị nhà đất mà ông T được chia.

- Hủy đăng ký biến động ngày 07/10/2016 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Vũng Tàu xác nhận tại Trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/4/2005 cho Công ty D, đăng ký biến động sang tên cho cháu Nguyễn Vũ Hương G ngày 07/10/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, bà Vũ Thị H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết lại phần tài sản và con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vũ Thị H rút yêu cầu kháng cáo về con chung, chỉ kháng cáo phần tài sản; bà H, ông Nguyễn Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Trịnh Thị A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hương trình bày: Năm 2010, ông Nguyễn Anh T đi khám thì biết bị vô sinh bẩm sinh không phải vô sinh thứ phát như ông T trình bày nên ông T biết rõ cháu G không phải con của mình do đó ông T không bị lừa dối hay nhầm lẫn khi ký văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn ngày 07/5/2016 có nội dung tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 157, tờ bản đồ số 54 Phường 2,

thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho cháu G. Vì vậy, đề nghị hoãn phiên tòa và thu thập chứng cứ là hồ sơ bệnh án của ông T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 BLTTDS 2015.

Về kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo phù hợp theo quy định tại Điều 272 BLTTDS 2015.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án lời trình bày của nguyên đơn bà Vũ Thị H, chứng cứ mới bà H đã cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm đồng thời căn cứ lời thừa nhận của ông Nguyễn Anh T đã có đủ cơ sở xác định vào năm 2010 ông Nguyễn Anh T đi khám vô sinh tại bệnh viện Từ Dũ, đã biết kết quả là mình bị vô sinh; đồng thời ông T và bà Hương kết hôn vào ngày 5/6/2002 và (hơn 06 tháng) sau thì sinh cháu G vào ngày 16/11/2002 thì mặc nhiên ông T phải biết hoặc nghi ngờ cháu G không phải là con của mình. Tuy nhiên khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và giải quyết thuận tình ly hôn vào 24/9/2015 về phần con chung 2 bên vẫn xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Hương G. Sau đó hai bên đã thỏa thuận đồng ý tặng cho con gái là cháu Nguyễn Vũ Hương G sinh ngày 16/11/2002 toàn bộ quyền sử dụng của mình trong quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 157 tờ bản đồ số 54 Phường 2, TP Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21/4/2005; hai bên đã cam kết thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Trong trường hợp này giữa ông T, bà H khi thỏa thuận tặng cho cháu G hoàn toàn không ai làm cho bên kia bị nhầm lẫn cả .Vì vậy việc ông Nguyễn Anh T lấy lý do bị nhầm lẫn để rút lại thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn được công chứng ngày 07/5/2016 là không có cơ sở; đồng thời tài sản này cũng đã được sang tên cho cháu Nguyễn Vũ Hương G vào ngày 17/10/2016 theo đúng quy định của pháp luật; do đó đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị H là có căn cứ chấp nhận. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị H sửa bản án sơ thẩm số 129/2019/HN-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu; bác yêu cầu của ông Nguyễn Anh T về phần chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo nêu trên như sau:

[2]. Tại phiên tòa bà Vũ Thị H rút kháng cáo về con chung nên căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3]. Về tài sản tranh chấp là nhà và đất số 97H đường P, Phường 2, TP Vũng Tàu: Bà H cho rằng đây là tài sản riêng mua trước khi kết hôn, giá 171.930.000 đồng nhưng mới trả được hai lần 75.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán sau khi đã kết hôn. Còn căn nhà xây sau khi đã kết hôn nhưng do anh kết nghĩa là ông Nguyễn Văn Đ xây tặng cho Bà, nhà đất đã đứng tên hai vợ chồng. Khi ly hôn năm 2014 thì bà H và ông T đã thỏa thuận cho cháu G và đã sang tên, việc tặng cho đã có hiệu lực pháp luật nên không đồng ý hủy văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn ngày 07/5/2016. Ông T không đồng ý tặng cho cháu G nhà đất này yêu cầu hủy giao dịch tặng cho này theo Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2005 vì cho rằng do bị nhầm lẫn cháu G là con của mình nên mới tặng cho.

Hội đồng xét xử thấy nhà đất trên bà H mua trước khi kết hôn nhưng mới trả một phần tiền, sau kết hôn mới trả kết phần còn lại và xây nhà. Khi làm giấy tờ thì cũng đứng tên hai vợ chồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung vợ chồng là có căn cứ. Xét công sức đóng góp thì chia bà H 60%, ông T 40% và giao hiện vật cho bà H còn bà H thanh toán lại giá trị cho ông T là phù hợp.

Xét văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn số công chứng số 640 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/5/2016 tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tặng cho nhà đất cho cháu G thì thấy năm 2014 ông T bà Hương xác định cháu G là con chung và thỏa thuận tặng cho tài sản cho con chung, năm 2017 khi có kết quả giám định AND thì ông T và bà Hương không có con chung nên phần thỏa thuận cho tài sản con chung của ông T vô hiệu, tuy nhiên chỉ vô hiệu đối với phần tài sản của ông T (40%), phần của bà Hương (60%) vẫn có hiệu lực pháp luật, đã sang tên cho cháu G. Cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng tặng cho nhà đất nêu trên vô hiệu toàn bộ là không đúng nên chấp nhận kháng cáo của bà Hương sửa bản án sơ thẩm.

[4]. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu đăng ký biến động sang tên nhà đất cho cháu G là căn cứ. Văn bản thỏa thuận có công chứng nên không có vi phạm, cấp sơ thẩm hủy đăng ký biến động ngày 07/10/2016 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Vũng Tàu xác nhận tại Trang IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/4/2005 cho Công ty D, đăng ký biến động sang tên cho cháu Nguyễn Vũ Hương G ngày 07/10/2016 là không đúng. Các đương sự phải liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định.

[5]. Do yêu cầu kháng cáo của bà H được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị H. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 129/2019/HN-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu về tài sản chung như sau:

Áp dụng Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị H về con chung.

2. Về tài sản chung:

- Hủy một phần Văn bản thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn số công chứng 640 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/5/2016 tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giữa ông Nguyễn Anh T và bà Vũ Thị H tặng cho cháu Nguyễn Vũ Hương G quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa số 157, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại 97H đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về phần tài sản của ông Nguyễn Anh T.

- Chia tài sản chung như sau: Bà Vũ Thị H được hưởng 60% , ông Nguyễn Anh T được hưởng 40% tài sản là quyền sử dụng thửa đất 157 tờ bản đồ 54 tọa lạc tại 97H đường P, Phường 2, thành phố T và tài sản trên đất. Giao 40% tài sản là quyền sử dụng thửa đất 157 tờ bản đồ 54 tọa lạc tại 97H đường P, Phường 2, thành phố T và tài sản trên đất cho bà Vũ Thị H sử dụng, định đoạt và bà H có nghĩa vụ trả cho ông T 2.851.467.000đ *(hai tỷ tám trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị H không phải chịu; hoàn trả cho bà H 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003407 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BRVT;
- TAND TP VT;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TP VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Phương Bắc